

# Kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

HỒ TRỌNG VIỆN

## I. TÍNH TẤT YẾU KHÁCH QUAN VÀ VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

Có nhiều cách tiếp cận, và theo đó, có nhiều quan điểm khác nhau về kinh tế tư nhân; bài viết này tiếp cận theo góc độ quản lý nhà nước về kinh tế và quan niệm: *kinh tế tư nhân* là tổng thể các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ra đời và tồn tại trên cơ sở sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, và được gọi là khu vực kinh tế tư nhân. Nó tồn tại dưới các hình thức tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, có tư cách pháp nhân, đăng ký sản xuất kinh doanh ở những lĩnh vực, ngành nghề nhất định, như: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ kinh doanh cá thể, v.v...

**1. Sự tồn tại và phát triển kinh tế tư nhân trong thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan, hợp quy luật.**  
Đó là do:

• Yêu cầu của quy luật: Quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Mà ở Việt Nam hiện nay, trình độ lực lượng sản xuất (nhất là xã hội hóa lao động và sản xuất) còn thấp kém và không đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực... nên thích ứng với nó phải là một quan hệ sản xuất có nhiều hình thức sở hữu, với trình độ xã hội hóa khác nhau. C.Mác đã từng chỉ rõ rằng: không thể tùy tiện xóa bỏ một quan hệ sản xuất nào đó khi lực lượng sản xuất chưa đòi hỏi. Đại hội lần thứ VI của Đảng ta cũng khẳng định: “Lực lượng sản xuất không chỉ bị kìm hãm khi quan hệ sản xuất lạc hậu, mà nó cũng bị kìm hãm khi

quan hệ sản xuất bị đẩy lên vượt trước yêu cầu của lực lượng sản xuất”.

• Đặc trưng của thời kỳ quá độ là thời kỳ cùng tồn tại lâu dài và đấu tranh chuyển hóa lẫn nhau giữa những yếu tố, thành phần, bộ phận... của nền kinh tế cũ, tư hữu, với những yếu tố, thành phần, bộ phận... của nền kinh tế mới xây dựng, công hữu. Trong đó, kinh tế tư nhân là thành tố quan trọng, không thể thiếu của nền kinh tế thời kỳ quá độ Việt Nam.

• Sự tồn tại khách quan của kinh tế hàng hóa cùng với xu thế và đặc điểm thời đại về mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế là môi trường và điều kiện cho kinh tế tư nhân phát huy các ưu thế, hiệu quả của mình cho nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Mặt khác sự tồn tại và phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta còn là một đòi hỏi bức thiết của thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước, đó là nhằm: huy động rộng rãi tiềm năng, nguồn lực trong toàn xã hội (nhất là về vốn đầu tư, lực lượng lao động, tư liệu sản xuất, các ngành nghề, ...) cùng với kinh nghiệm quản lý, tính năng động, nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo của kinh tế tư nhân, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước,... thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”.

Trong lịch sử, kinh tế tư hữu ra đời, tồn tại và phát triển liên tục qua hàng triệu năm, từ khi loài người ra khỏi<sup>1</sup> “xã hội bầy,

Hồ Trọng Viện PGS, TS, Phân viện thành phố Hồ Chí Minh, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

đàn”, cho đến nay và chắc chắn còn rất lâu nữa, nó vẫn là lực lượng cơ bản của sự tiến hóa nhân loại mà chưa có gì thay thế được. Điều đó bắt nguồn từ bản thân cuộc sống của mỗi con người, mỗi thời đại là lợi ích vật chất - vừa là mục tiêu vừa là điều kiện, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Bởi một chân lý giản đơn là không ai có thể sống chỉ bằng không khí và nước lã mà không cần đến lợi ích vật chất, không cần chiếm hữu của cải vật chất cho mình (!).

Như vậy, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân đã, đang và sẽ còn là nền tảng của nhiều nền kinh tế. Đến nay, nó vẫn chưa hết vai trò lịch sử và chưa thể xóa bỏ.

Trước đây, do nhận thức sai lầm về mô hình CNXH và con đường tiến lên CNXH ở Việt Nam nên Đảng ta đã từng đề ra đường lối xây dựng CNXH với chủ trương “công hữu hóa, xóa tư hữu”, coi tư hữu, kinh tế tư nhân là “phi chủ nghĩa xã hội” là đối tượng của cách mạng XHCN cần phải cải tạo, loại bỏ.

Từ đường lối đổi mới (Đại hội VI của Đảng, 1986) nhất là đổi mới tư duy lý luận về mô hình CNXH và con đường tiến lên CNXH ở Việt Nam với tinh thần khoa học và cách mạng, Đảng ta chủ trương: xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa định hướng XHCN với cơ cấu nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế nước nhà; kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân) là bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tồn tại lâu dài, bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử, quan hệ với các thành phần kinh tế khác trong cơ chế thị trường bằng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, được tự do đầu tư hoạt động kinh doanh theo pháp luật, không bị giới hạn về quy mô, địa bàn, trình độ công nghệ, được Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích

phát triển trong lĩnh vực sản xuất có lợi cho quốc kế dân sinh mà pháp luật không cấm để làm giàu cho mình và cho đất nước.

Quan điểm đó được thể hiện nhất quán qua các kỳ Đại hội Đảng cho đến nay và gần đây lại được nhấn mạnh trong Nghị quyết hội nghị BCH TƯ lần thứ 5, Khóa IX (tháng 3-2002) của Đảng: “Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa”. Theo tinh thần đó, các ngành, các địa phương thực hiện nhất quán chính sách đối với kinh tế tư nhân, tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi, an toàn, tin cậy, hấp dẫn để thu hút các nguồn đầu tư của kinh tế tư nhân (cả ở trong và ngoài nước) để thúc đẩy phát triển sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội theo phương hướng và mục tiêu đã định. Nhờ vậy, trong những năm qua, nhất là từ khi có Luật Doanh nghiệp ra đời (tháng 01-2000), kinh tế tư nhân đã có chuyển biến lớn. Số lượng doanh nghiệp tư nhân đăng ký của cả nước tăng nhanh qua các năm: năm 1991: 132 doanh nghiệp, năm 1999: 42.393 doanh nghiệp, đến tháng 10-2001: 66.780 doanh nghiệp và đến cuối năm 2003 là khoảng 120.000 doanh nghiệp<sup>1</sup>. Riêng số doanh nghiệp tư nhân được thành lập mới từ sau khi có Luật Doanh nghiệp là 46.185 doanh nghiệp với số vốn đăng ký: 54.737 tỷ VNĐ. Theo số liệu Tổng cục Thống kê năm 2001, kinh tế tư nhân đóng góp 42% GDP toàn xã hội (trong khi doanh nghiệp nhà nước là 39%), chiếm 56,3% tổng số lao động có việc làm thường xuyên của toàn xã hội, chiếm 20% tổng thu ngân sách nhà nước, chiếm 30% kim ngạch xuất nhập khẩu. Tiềm năng phát triển kinh tế tư nhân hiện còn rất lớn, cả

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo đánh giá tình hình thi hành Luật Doanh nghiệp, tháng 10-2003.

về nguồn vốn đầu tư, lao động, ngành nghề, quan hệ thị trường (ước tính nguồn vốn tư nhân có thể huy động còn khoảng 8 tỷ USD, chưa kể mỗi năm thân nhân gửi về nước 2,4 tỷ USD).

Di nhiên bên cạnh mặt tích cực đóng góp, kinh tế tư nhân cũng dễ gây ra những mặt tiêu cực, hạn chế như chạy theo lợi nhuận tối đa bất chấp thủ đoạn, phương tiện, trốn thuế, lậu thuế, kinh doanh hàng gian, hàng giả, gây tổn hại đối với môi trường văn hóa xã hội và môi trường sinh thái v.v... nên rất cần tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước (các cấp, các cơ quan chức năng) bằng các công cụ quản lý vĩ mô (như luật pháp, chính sách, kế hoạch... với các phương pháp: hành chính, kinh tế, tư tưởng...) để kinh tế tư nhân hoạt động lành mạnh, đúng hướng, thực hiện mục tiêu chung mà Đảng và Nhà nước đề ra.

## 2. Vai trò của kinh tế tư nhân trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

Kinh tế tư nhân có vai trò to lớn trong việc: huy động nguồn vốn đầu tư rộng rãi trong nhân dân cho phát triển sản xuất, tạo ra nhiều cửa hàng hóa cho xã hội, đóng góp vào ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao

động, tạo động lực và môi trường cạnh tranh sống động, linh hoạt, sáng tạo cho sự phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành sản xuất và thực hiện đường lối “chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế”. Vai trò đó được thể hiện trên các mặt cụ thể như sau:

### 2.1. Huy động nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển.

Nguồn vốn cho đầu tư phát triển từ khu vực kinh tế tư nhân đã được huy động tăng lên liên tục trong những năm qua. Năm 1990 mới có 3.544 tỷ đồng, năm 1999 tăng lên 21.000 tỷ đồng. Đặc biệt trong 4 năm qua, từ khi có Luật Doanh nghiệp ra đời (từ năm 2000 đến tháng 7-2003) tổng vốn của các doanh nghiệp tư nhân đăng ký đạt 145.000 tỷ đồng, tức gần bằng tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước trong cùng thời kỳ; cao hơn vốn đầu tư nước ngoài, cao gấp 4 lần so với tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân 9 năm trước đó cộng lại.

Từ năm 2000-2003, tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực tư nhân trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng lên nhanh chóng: từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2001, lên 25,3% năm 2002 và khoảng 27% năm 2003<sup>2</sup>.

**BẢNG 1: Cơ cấu đầu tư toàn xã hội (%)**

	Từ NSNN	DNNN	Tư nhân	Vốn FDI
1995	25,6	9,7	30,8	33,9
1998	36,9	16,7	21,3	25,1
2001	24,7	16,7	24,0	34,6
2002	56,2		25,3	18,5
2003	56,5		26,7	16,8

Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2002; tính toán theo số liệu của Báo cáo Chính phủ trình Quốc hội 14-11-2001 và số liệu thống kê năm 2003 của Tổng cục Thống kê.

Như vậy, từ khi có chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, đặc biệt từ khi có Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty (năm 1990), Luật Doanh

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo đánh giá tình hình thi hành Luật Doanh nghiệp, H. tháng 10-2003, tr. 5. 6.

nghiệp (năm 2000), mặc dù có những bước thăng trầm nhất định nhưng khu vực kinh tế tư nhân đã từng bước khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Kinh tế tư nhân ngày càng có những đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, đặc biệt là đóng góp vào sự hoạt động năng động của nền kinh tế, giải quyết việc làm cho đông đảo người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo.

*2.2. Thúc đẩy sản xuất và đóng góp vào ngân sách nhà nước và địa phương.*

**BẢNG 2: Đóng góp của kinh tế tư nhân (%GDP)**

	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Khu vực nhà nước	39,9	40,5	40,0	38,7	38,5	38,4	38,3
Khu vực tư nhân	60,1	59,5	60,0	61,3	61,5	61,6	61,7
Nông nghiệp:							
Khu vực nhà nước	1,3	1,2	1,1	1,0	1,0	0,9	0,9
Khu vực tư nhân	26,5	24,6	24,7	24,4	23,6	22,3	22,1
Công nghiệp và xây dựng:							
Khu vực nhà nước	14,4	15,4	15,4	15,5	16,4	16,8	17,1
Khu vực tư nhân	15,3	16,7	17,1	19,0	20,3	21,3	21,4
Dịch vụ:							
Khu vực nhà nước	24,3	23,9	23,5	22,2	21,2	20,7	20,3
Khu vực tư nhân	18,3	18,2	18,2	17,9	17,6	18,0	18,2

Nguồn: IMF Country Report No.03/382, December 2003.

Theo số liệu của Tổng cục Thuế, khu vực kinh tế tư nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước: năm 2000 là 11.003 tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng thu ngân sách; năm 2001 nộp 11.075 tỷ đồng chiếm 14,8% tổng thu ngân sách<sup>3</sup>. Các loại hình doanh nghiệp tư nhân đã đóng góp vào ngân sách nhà nước với tỷ lệ ngày một tăng: năm 2001 là 6,4%; năm 2002 là 7% (trong khi tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp nhà nước là 21,6% và 23,4%; các doanh nghiệp FDI là 5,2% và 6%). Đồng thời các doanh nghiệp dân doanh đang đóng góp phần quan trọng vào ngân sách địa phương, chẳng hạn như ở thành phố Hồ Chí Minh

Khu vực kinh tế tư nhân có mặt rộng khắp các vùng trong cả nước, hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế, tạo ra lượng sản phẩm lớn, đa dạng, phong phú, đáp ứng phần cơ bản đời sống của các tầng lớp nhân dân.

Những năm qua, chính sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần quyết định trong việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các vùng dân cư và toàn xã hội, đồng thời đóng góp không nhỏ và ngày càng tăng vào nguồn thu ngân sách nhà nước và GDP.

là 15%, Tiền Giang 24%, Đồng Tháp 16%, Gia Lai 22%, Ninh Bình 19%, Thái Nguyên 17%, Quảng Nam 22%, Bình Định 33%<sup>4</sup>.... Ngoài ra, các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn đóng góp không nhỏ vào các phong trào ủng hộ xây dựng các công trình công cộng như: cầu, đường, trường học, trạm xá, khu văn hóa, thể thao, nhà tình nghĩa, nhà tình thương, các quỹ khuyến học, vị người nghèo v.v... ở các địa phương.

3. Tài liệu tham khảo nghiên cứu NQTƯ 5, Khóa IX. Nxb Chính trị quốc gia. H.2002, tr.34.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài liệu đã dẫn.... tr. 10-11.

2.3. Tạo nên sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, thực hiện dân chủ hóa kinh tế, kích thích và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển đa dạng về hình thức sở hữu với các trình độ xã hội hóa về sở hữu, về quản lý và về phân phối tạo nên sự phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở các ngành, các lĩnh vực sản xuất, từ đó tạo khả năng huy động rộng rãi tiềm năng nguồn lực, động lực trong toàn xã hội để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều của cải làm giàu cho mình và cho đất nước (khắc phục tình trạng trì trệ trong nền kinh tế tập trung, bao cấp trước đây).

Các loại hình tổ chức của kinh tế tư nhân được tự do phát triển, Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, được luật pháp bảo hộ và là biểu hiện dân chủ hóa đời sống kinh tế trong xã hội ta. Từ đó, nó khơi dậy và phát huy tính năng động, nhạy bén, cần cù, sáng tạo của quần chúng nhân dân trong lao động và sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển, góp phần to lớn vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Mặt khác, quá trình dân chủ hóa đời sống kinh tế được mở rộng nói trên sẽ tác động và đòi hỏi sự cải tiến về tổ chức, quản lý của Nhà nước theo hướng hiện đại, văn minh, tiến bộ, cũng như thúc đẩy, nâng cao đời sống văn hóa, dân trí và tinh thần trong toàn xã hội.

2.4. Kinh tế tư nhân phát triển góp phần tích cực vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, hiệu quả, hiện đại.

Ưu thế nổi trội của các doanh nghiệp tư nhân là: năng động, nhạy bén, linh hoạt trong đầu tư sản xuất kinh doanh, nắm bắt và đáp ứng nhanh nhạy nhu cầu thị trường để tìm kiếm hiệu quả, lợi nhuận. Do vậy, họ luôn tìm kiếm, phát hiện ngành, lĩnh vực, mặt hàng xã hội đang thiếu, đang cần đầu tư sản xuất, đồng thời không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm để có ưu thế trong cạnh tranh và thu được nhiều lợi nhuận, từ đó thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, ngày càng hiện đại.

Ở nước ta hiện nay, kinh tế tư nhân chiếm tuyệt đại bộ phận của ngành nông-lâm-ngư nghiệp cũng như của kinh tế nông thôn. Sự phát triển của kinh tế tư nhân ở đây như: phân vùng chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học (giống cây, con mới, phương pháp canh tác tiên tiến), cơ giới hóa sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, điện khí hóa nông thôn, mở rộng các ngành nghề... Từ đó, tỷ trọng ngành nông nghiệp (bao gồm lâm, ngư nghiệp) trong cơ cấu các ngành kinh tế giảm (tuy số lượng tuyệt đối vẫn tăng) và tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nền kinh tế. Thực tiễn những năm qua cho thấy điều đó như sau:

BẢNG 3: Cơ cấu ngành nghề kinh tế trong GDP qua các năm (đơn vị tính %)

Năm	Tổng sản phẩm trong nước (Tỷ đồng)	Nông nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1990	41.955	38,74	22,67	38,59
1995	228.892	27,18	28,76	44,06
1998	361.017	25,78	32,49	41,73
2000	441.646	24,53	36,73	38,74
2002	536.098	22,99	38,55	38,46

Nguồn: Tổng cục Thống kê-Niên giám thống kê năm 2002.

Đồng thời với sự phát triển của kinh tế tư nhân thúc đẩy sản xuất nông phẩm hàng hóa, mở rộng thị trường nội địa và quốc tế, thực hiện thủy lợi hóa và xây dựng đường giao thông nông thôn, phát triển thông tin liên lạc, các khu thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí... từ đó làm thay đổi bộ mặt văn hóa nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại. Đó cũng chính là góp phần to lớn vào việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

### 2.5. Giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và phát triển nguồn nhân lực.

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển khắp các vùng của đất nước tạo khả năng to lớn trong giải quyết việc làm và đời sống của người lao động (nhất là trong hoàn cảnh thiếu việc làm gay gắt, gần 7% trên cả nước hiện nay).

Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển (chủ yếu là do kinh tế tư nhân) sẽ giải phóng lực lượng lao động chuyển sang các ngành nghề khác trong công nghiệp, dịch vụ, từ đó hình thành dần cơ cấu lao động hợp lý giữa các ngành, các vùng theo hướng hiện đại, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu: đến năm 2010 chỉ còn 50% lao động nông nghiệp mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Trong cơ chế cạnh tranh thị trường, để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh doanh, kinh tế tư nhân (hiện sử dụng đại bộ phận lực lượng lao động xã hội) phải tìm mọi cách: tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo... nâng cao trình độ, năng lực, tay nghề của người lao động, cũng như bố trí sử dụng hợp lý, khoa học... Từ đó, góp phần to lớn vào sự phát triển lực lượng lao động xã hội, đáp ứng yêu cầu kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, CNH, HĐH đất nước.

Một vài số liệu thực tiễn chứng minh cho điều nói trên:

Lao động trong khu vực kinh tế tư nhân là 21.017.326 người, chiếm 56,3% lao động có việc làm thường xuyên trong toàn xã hội (số liệu năm 2000). Riêng trong lĩnh vực phi nông nghiệp, số lao động thuộc kinh tế tư nhân năm 2000 là 4.643.844 người, tăng 20,12% so với năm 1996. Tính riêng trong 4 năm (1997-2000) khu vực kinh tế tư nhân thu hút thêm 997.000 lao động, gấp 6,6 lần so với khu vực kinh tế nhà nước và từ năm 2000 đến 2003, khu vực kinh tế tư nhân đã tạo ra gần 2 triệu chỗ làm việc mới cho người lao động, với trình độ kỹ năng lao động, tay nghề ngày một cao hơn<sup>5</sup>.

### 2.6. Góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, hiện đại hóa sản xuất.

Sự phát triển của kinh tế tư nhân tạo ra khối lượng (và chiếm tỷ trọng) lớn về hàng xuất khẩu (nhất là nông, lâm, thủy, hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ...), đồng thời mở rộng khả năng và là đối tác thu hút các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam (hiện nay mỗi năm tiền từ nước ngoài gửi về cho người thân ở Việt Nam khoảng 2,7 tỷ USD, phần lớn trong đó là cho đầu tư sản xuất kinh doanh), nhập về máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến... qua đó tạo tiền đề khai thác, tận dụng các tiềm năng, nguồn lực rộng lớn trong nhân dân cho phát triển sản xuất, góp phần hiện đại hóa nền kinh tế. Có nhiều công ty của người Việt Nam ở nước ngoài đang muốn đầu tư về quê hương. Nếu Nhà nước ta có chính sách cởi mở về phát triển kinh tế tư nhân và tạo môi trường an toàn, tin cậy, hấp dẫn đối với họ thì đây sẽ là một nguồn ngoại lực không nhỏ góp phần đẩy mạnh CNH, HĐH nước nhà.

Thực hiện đường lối và mục tiêu về mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ngày càng sâu rộng và đầy đủ vào các tổ chức kinh tế thế giới AFTA, APEC, và sắp tới là

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài liệu đã dẫn...tr. 8.

WTO... của Đảng và Nhà nước đã đề ra, không thể thiếu sự đóng góp ngày càng to lớn của các doanh nghiệp tư nhân. Thực tiễn đang chứng tỏ năng lực và sức vươn lên mạnh mẽ của kinh tế tư nhân trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại bằng sự nhạy bén, linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng bứt phá, chấp nhận rủi ro trong cơ chế thị trường... để tìm kiếm hiệu quả, lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của mình.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng từ 2,4 tỷ USD năm 1990 lên 14,6 tỷ USD năm 2000 (tức tăng 5,6 lần trong 10 năm và bình quân hàng năm tăng 18,4%). Năm 2003, kim ngạch xuất khẩu đạt 19,843 tỷ USD, đứng vào hàng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu... trong đó, kinh tế tư nhân đóng góp phần chủ yếu. Chẳng hạn, năm 2001, khu vực kinh tế tư nhân phi nông nghiệp nhập khẩu trực tiếp 3,336 tỷ USD và xuất khẩu đạt 2,851 tỷ USD. Theo báo cáo của Bộ Thương mại, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước v.v...

Nhìn chung, khu vực kinh tế tư nhân đã và đang có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh

tế hàng hóa, trên tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, kinh tế và văn hóa trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, những kết quả, thành tựu đạt được vừa qua của kinh tế tư nhân là chưa tương xứng với tiềm năng, nguồn lực cũng như vị trí, vai trò và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay mà nó đáng được có và cần phải có. *Những hạn chế, yếu kém của khu vực kinh tế tư nhân* (đang cần sớm được khắc phục) biểu hiện:

- Phần lớn các doanh nghiệp tư nhân đều có quy mô nhỏ, nên khả năng cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường, chống đỡ vượt qua những biến động, rủi ro, bất trắc... trong sản xuất kinh doanh bị hạn chế. Hiện có tới 87,2% doanh nghiệp tư nhân có mức vốn dưới 1 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp có mức vốn dưới 100 triệu đồng chiếm tới 29,4%. Chỉ có 1% số doanh nghiệp có mức vốn trên 10 tỷ đồng và 0,1% có mức vốn trên 100 tỷ đồng<sup>7</sup>.

- Trình độ trang bị kỹ thuật công nghệ lạc hậu nên chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, dẫn đến sức cạnh tranh và hiệu quả thấp.

Số liệu điều tra cho thấy như sau<sup>8</sup>:

**BẢNG 4: Trang bị, kỹ thuật, công nghệ của doanh nghiệp tư nhân và công ty TNHH**

Đơn vị tính: %

Tiêu chí KT-CN	Đối tượng khảo sát	DN tư nhân	Công ty TNHH
	Trang thiết bị hiện đại	24	25
	Kỹ thuật truyền thông kết hợp công nghệ hiện đại	34	57
	Thuận tụy kỹ thuật truyền thống	37,2	20

- Trình độ học vấn và quản lý: khu vực kinh tế tư nhân, số người lao động có trình độ đại học trở lên chỉ chiếm 5,13%. Số chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng trở lên chỉ chiếm 31,2% trong tổng số các chủ doanh nghiệp. Có tới 48,4% số chủ doanh nghiệp không có bằng cấp chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh của mình<sup>9</sup>.

- Tuyệt đại bộ phận doanh nghiệp tư nhân đều thiếu mặt bằng hoạt động (nhỏ bé, phải thuê mượn...) nên gặp nhiều khó

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài liệu đã dẫn... tr.8.

7, 8, 9. Dẫn theo Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 3-2000: "Động thái phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam giai đoạn 1990-2000".

khản về mở rộng sản xuất kinh doanh. Cũng như, phần lớn các doanh nghiệp thiếu bạn hàng, thị trường truyền thống, ổn định để phát triển sản xuất.

- Cơ chế chính sách (về tín dụng, thuế, quota, kiểm tra...) và tâm lý xã hội vẫn chưa thật thuận lợi, thông thoáng nhằm hỗ trợ và khuyến khích kinh tế tư nhân hăng hái đầu tư, phát triển v.v...

- Có nhiều nguyên nhân làm cho khu vực kinh tế tư nhân còn nhiều mặt hạn chế, cũng như chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Trong đó, vai trò tổ chức quản lý của Nhà nước, nhất là ở cấp địa phương, có vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng.

Việc xem xét, khảo sát, đánh giá đúng môi trường, hoàn cảnh cụ thể về tổ chức, quản lý nhà nước đối với hoạt động của kinh tế tư nhân, những thành tựu, đóng góp và những hạn chế, yếu kém của nó, cùng nguyên nhân của những thực trạng ấy nhằm tìm biện pháp tháo gỡ, thúc đẩy kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển đúng hướng, hiệu quả đang là một yêu cầu cần thiết và bức bách cả ở tầm vĩ mô và vi mô ở Việt Nam hiện nay.

## II. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

### 1. Đổi mới cách tiếp cận về tổ chức quản lý đối với kinh tế tư nhân

Tùy theo mục đích và góc độ xem xét mà người ta lựa chọn cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu một cách thích hợp. Với tư cách là khoa học về tổ chức quản lý nền kinh tế, tác giả cho rằng: nên thay cách tiếp cận "thành phần kinh tế" bằng cách tiếp cận "khu vực kinh tế". Điều này bắt nguồn từ mấy lý do sau đây:

Cách tiếp cận "thành phần kinh tế" nghiêng về ý nghĩa chính trị hơn là về ý nghĩa kinh tế, nhằm phân định về thái

độ nhìn nhận và phân biệt về chế độ, chính sách (ưu đãi của Nhà nước) đối với các thành phần kinh tế. Nó chỉ phù hợp và có tác dụng tích cực trong giai đoạn trước đây với công cuộc cải tạo XHCN. Hiện nay, với chủ trương của Đảng là các thành phần kinh tế được đối xử bình đẳng, quan hệ với nhau trong cơ chế thị trường bằng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh...thì cách tiếp cận trên không còn phù hợp nữa. Mặt khác, tiếp cận theo "thành phần kinh tế" sẽ dễ gây tác động về tâm lý, rằng đây là tư hữu, là "phi CNXH", là thành phần bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột v.v..., có thể rồi lại bị cải tạo (!), nên nhiều người dễ e ngại, thiếu hăng hái, bình thường đầu tư phát triển.

Còn cách tiếp cận "khu vực kinh tế" (bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế đầu tư nước ngoài) là điều tự nhiên và cần thiết về tổ chức, quản lý nền kinh tế, phổ biến ở các nền kinh tế. Đồng thời, nó rất phù hợp với chính sách khuyến khích đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Hơn thế nữa, nếu phân chia nền kinh tế thành: khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân (hay dân doanh) và khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài sẽ tạo cơ sở cho sự nhìn nhận rõ hơn vai trò to lớn (tiềm năng, nguồn lực, động lực, sức sáng tạo vô tận) của nhân dân ta, trước hết là lực lượng nông dân đông đảo hiện nay, thực hiện quan điểm "dân là gốc", và "dân chủ hóa đời sống kinh tế", huy động sức mạnh cả cộng đồng dân tộc (vật chất và tinh thần) cho xây dựng đất nước.

2. Không nên phân chia thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và thành phần kinh tế tư bản tư nhân, mà nên gọi chung là khu vực kinh tế tư nhân.



Lý do là:

- Cả 3 bộ phận nêu trên đều dựa trên cùng một loại hình sở hữu (nên có cùng bản chất) là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, chỉ khác nhau về quy mô mà thôi.

- Không có cơ sở hay tiêu chí (về mặt định lượng) để phân định các doanh nghiệp thuộc kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân.

Nếu dựa trên các tiêu chí về quy mô vốn đầu tư, về doanh thu, về số lượng công nhân thuê mướn, về lợi nhuận v.v... thì trong cơ chế thị trường các yếu tố trên của các doanh nghiệp thường không ổn định.

Nếu dựa trên tiêu chí: tư bản tư nhân là bóc lột giá trị thặng dư thì cần phải xác định trên thực tế thế nào là bóc lột giá trị thặng dư, và chỉ ra ai là kẻ bóc lột, là nhà tư bản? Rất tiếc, cuộc tranh cãi về chủ đề này đã diễn ra suốt mấy năm qua, cho đến nay và chắc chắn còn lâu nữa vẫn chưa có hồi kết thúc! Mà thực tiễn cho thấy cũng chẳng cần để làm gì, khi các doanh nghiệp tư nhân, hoạt động theo cơ chế thị trường, phù hợp với quy định của luật pháp để phục vụ nhu cầu xã hội (tận dụng các yếu tố sản xuất, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước v.v...), làm giàu cho chính mình và cho đất nước!

### **3. Đảng và Nhà nước tạo điều kiện, động viên, khuyến khích mọi công dân tham gia đầu tư phát triển kinh tế tư nhân (dưới các hình thức thích hợp) theo qui định của pháp luật, để tạo ra nhiều của cải cho xã hội**

Theo đó, đảng viên, nếu không đang là cán bộ, công chức nhà nước thì được phát triển kinh tế tư nhân, là chủ doanh nghiệp tư nhân, không giới hạn về quy mô, trình độ. Thực hiện chủ trương phát huy nội lực, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đảng viên phải gương mẫu đi đầu, phải biết làm giàu cho mình và cho

đất nước, để lôi kéo, giúp đỡ quần chúng noi theo, không nên viện lý do “trở thành nhà tư bản, bóc lột” để ngăn cấm (!) Có thể nào: một đảng viên có vốn, có trình độ tổ chức quản lý, tâm huyết với nghề nhưng đem số vốn đó gửi ngân hàng lấy lãi hàng tháng tiêu xài (không cần làm gì cả), thì lại được khuyến khích, còn nếu đem số vốn đó đầu tư theo luật pháp và kế hoạch của Nhà nước, tạo ra của cải, giải quyết việc làm và đời sống (đang rất bức thiết) cho nhân dân, đóng góp vào ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển... thì lại bị cấm, cản?(!). Nghĩa là vai trò tiên phong, gương mẫu trong đầu tư phát triển sản xuất ở khu vực kinh tế tư nhân tồn tại lâu dài và rộng lớn này phải và chỉ dành cho người ngoài Đảng? Tác giả xin kiến nghị: trong thời kỳ quá độ lên CNXH, phát triển kinh tế thị trường, vấn đề “bóc lột” và “tư bản tư nhân” không cần thiết phải đặt ra!

### **4. Không nên phân chia thành phần kinh tế tư bản nhà nước và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài mà nên gọi chung là khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài**

Bởi vì, về mặt nhận thức lý luận, sự phân định hai thành phần nêu trên không có các tiêu chí rõ ràng. Chẳng hạn một công ty tư bản nước ngoài đầu tư lập doanh nghiệp 100% vốn tại Việt Nam thì nó thuộc kinh tế tư bản nhà nước dưới hình thức tô nhượng (theo nguyên lý của V.I.Lênin) hay thuộc kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hay thuộc cả hai? Về mặt thực tiễn, việc tổ chức quản lý nền kinh tế mấy năm qua cho thấy sự phân chia như nêu trên là không thực sự cần thiết, mà nếu xem xét theo góc độ khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài, với tư cách là nguồn lực ngoài nước đầu tư vào Việt Nam dưới nhiều hình thức hợp tác, liên doanh... theo đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng, thì thoả đáng hơn cả về mặt tư duy lý luận lẫn thực tiễn quản lý.

5. Thay cách diễn đạt: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nước ta, bằng: Nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo, sử dụng quyền lực hành chính và sức mạnh vật chất của mình để tác động, hỗ trợ, dẫn dắt, tạo lập môi trường và điều kiện để tất cả các doanh nghiệp, khu vực kinh tế huy động, tận dụng các tiềm năng nguồn lực của mình đầu tư sản xuất kinh doanh, vì lợi ích của mình và xã hội, góp phần phát triển nền kinh tế theo định hướng XHCN. Lý do là: theo quan điểm của Đảng, các thành phần kinh tế bình đẳng, tồn tại lâu dài, thực hiện sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường cạnh tranh... thì kinh tế nhà nước làm sao để thực hiện được vai trò chủ đạo?. Trong khi, trên thực tế hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh thị trường của các doanh nghiệp nhà nước tỏ ra yếu kém hơn các loại hình doanh nghiệp khác! Mặt khác, cách diễn đạt: "thành phần kinh tế tập thể (mà nòng cốt là các HTX)..." mà các HTX lại được ra đời và tồn tại trên cơ sở quyền tự chủ sản xuất

kinh doanh của các hộ gia đình tham gia... tức các HTX tồn tại trên cơ sở quyền sở hữu tư liệu sản xuất và vì lợi ích của các hộ gia đình tham gia! Vậy các HTX thuộc kinh tế tư nhân hay thuộc kinh tế tập thể, trong khi sở hữu tập thể trong các HTX là rất nhỏ bé. Tác giả cho rằng: các HTX và các hình thức kinh tế hợp tác khác là những hình thức tổ chức kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân, vì nó không phải tồn tại dựa trên sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, và theo đó, nó khó trở thành nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN!

*Tóm lại*, dưới góc độ khoa học tổ chức quản lý nền kinh tế, bằng nhận thức lý luận và khảo sát thực tiễn, tác giả xin kiến nghị: thay cách tiếp cận thành phần kinh tế bằng khu vực kinh tế, bao gồm: kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân (hay đại chúng) và kinh tế đầu tư nước ngoài. Trong đó, Nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo, sử dụng quyền lực hành chính và sức mạnh kinh tế để tác động, hướng dẫn các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo cho nền kinh tế phát triển theo định hướng XHCN.